

Bản án số: 133/2022/HS-ST
Ngày 09-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương

Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Bá Luận;

Ông Huỳnh Tấn Hoàng;

Bà Trương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn M, sinh năm 1987 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không con ông Trần Văn B (đã chết) và con bà Nguyễn Thị B; có vợ là bà Phan Thị Trúc M (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 02 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 cho đến nay, có mặt.

2. Phan Thị Trúc M, sinh năm 1989 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: tổ 3, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Bé T và bà Nguyễn Thị D; có chồng là ông Trần Văn M (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 23/8/2021 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Phan Thị H, sinh năm 1992 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp Long Quới 2, xã Long Điền B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Bé T và bà Nguyễn Thị D; bị cáo 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2021 đến ngày 23/8/2021 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Văn M:* ông Nguyễn Văn T, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

- *Bị hại:*

1. Thạch Thị Trúc P, sinh năm 1999 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại P (hàng thừa kế thứ hai): ông Thạch D, sinh năm 1986; nơi cư trú: khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (anh trai), có mặt.

2. Lê Thị Đoan T, sinh năm 1995; nơi cư trú: khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

3. Lê Thị Đoàn P, sinh năm 1998; nơi cư trú: khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

4. Lê Hoàn T, sinh năm 2001; nơi cư trú: khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lê Thị Phương D, sinh năm 1984; nơi cư trú: số 479, thị trấn C, tỉnh Tiền Giang. (có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1996; nơi cư trú: khóm Vĩnh Thành, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

3. Bà Lê Thị V, sinh năm 1997; nơi cư trú: Khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp L, xã L B, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị Phương D, sinh năm 1984; bà Lê Thị H, sinh năm 1996; bà Lê Thị V, sinh năm 1997; ông Lê Trọng P, sinh năm 1998; ông Lê Văn L, sinh năm 1988; ông Nguyễn Viết N, sinh năm 1984; tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch Thị Trúc P, sinh năm 1999 (nơi cư trú: xã Vĩnh P, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và Phan Thị Trúc M, sinh năm 1989 (nơi cư trú: ấp Long Quới 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) cùng làm chung tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, thuộc khu phố Kh, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngày 06/4/2021, trong lúc làm việc, giữa P và M phát sinh mâu thuẫn nên hẹn nhau sau khi tan ca ra ngoài cổng Công ty gặp nhau nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn.

Do sợ gặp P sẽ bị đánh nên trước khi tan ca ra về, M gặp và nói chuyện với H (là em gái làm việc cùng công ty) và điện thoại cho chồng tên Trần Văn M đến đón về. M đồng ý đến đón đồng thời rủ và chở một người nam thanh niên tên Hiếu (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) đi cùng. Trước khi đi, M cất dấu 01 con dao, loại dao Thái Lan dài khoảng 30cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn, bản rộng 03cm, dài khoảng 20cm bỏ vào phía sau lưng quần của M và đi đến gần cổng công ty dừng xe chờ M, H.

Sau khi hẹn với M, Thạch Thị Trúc P nói cho Lê Thị Phương D biết việc hẹn với M để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn nên D nói sẽ đi cùng với P gặp M.

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 06/4/2021, khi tan ca, P và D đứng trước cổng công ty chờ M ra để nói chuyện, cùng thời điểm này có Lê Thị Vy, Lê Thị Đoàn T, Lê Thị Đoàn P, Lê Hoàn T, Lê Thị H cũng đứng chờ P và Dung để cùng đi về nhà. Khi M đi ra cổng công ty, Lê Thị Phương D kêu M lại hỏi lý do vì sao nói xấu cháu mình là Thạch Thị Trúc P thì xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Lúc này, Thạch Thị Trúc P đang cầm bình đựng nước đá đánh vào đầu Mai thì Phan Thị H chạy lại rồi dùng tay chân đánh nhau với P. Phan Thị Trúc M dùng tay đánh vào mặt Lê Thị Phương D, lúc này Trần Văn M đứng chờ M ngoài cổng Công ty nên nhìn thấy M, H đang đánh nhau với Lê Thị Phương D và Thạch Thị Trúc P nên chạy đến dùng tay phải đẩy trúng vào ngực của D nên D dùng hai tay đẩy M rồi bỏ chạy được khoảng 10m thì vấp ngã, còn Thạch Thị Trúc P bị Phan Thị Trúc M và Phan Thị H nắm tóc đè xuống đường, thấy vậy M chạy lại rút 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 30cm, mũi nhọn từ phía sau lưng quần ra đâm Thạch Thị Trúc P nhiều nhát trong đó có 01 nhát vào vùng lưng phải, bị đâm P vùng dậy bỏ chạy vào bên trong công ty. Trong lúc D và Trúc P đánh nhau với M, H và Mỹ thì Lê Thị Đoàn T, Lê Hoàn T, Lê Thị Đoàn P và Lê Thị H xông vào can ngăn nên M dùng dao đuổi và đâm Lê Thị Đoàn Trang 01 nhát vào vùng lưng, Lê Thị Đoàn P 01 nhát vào vùng hóm nách trái, Lê Hoàn T 01 nhát vào vùng hông lưng trái và 01 nhát vào vùng hạ sườn phải. Lê Văn L thấy M cầm dao đuổi đâm nhiều người nên lấy 01 cây gỗ đuổi M với mục đích không cho M tiếp tục đánh người, M sợ bị đánh nên bỏ chạy ra khỏi Công ty Hiệp Dịch. Lê Thị H thấy M cầm dao bỏ chạy nên H ra hỏi M vì sao lại kêu chồng đến và dùng dao đâm nhiều người thì bị M dùng tay nắm tóc H ghì xuống, Huệ cầm nón bảo hiểm chống trả và bị H ôm vật xuống đất. M tiếp tục lao vào ôm chân H và cắn 01 cái vào bắp chân, 01 cái vào bên trên đầu gối trái gây thương tích cho H. Sau khi M dùng dao gây thương tích cho các bị hại thì cùng với Phan Thị Trúc M bỏ trốn; Phan Thị H cũng bỏ trốn.

Ngày 27/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt giữ được Trần Văn M và Phan Thị Trúc M, đến ngày 28/5/2021 thì Phan Thị Huyền bị bắt. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Trần Văn M, Phan Thị Trúc M, Phan Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với Thạch Thị Trúc P, sau khi bị M đâm đã bỏ chạy vào công ty, được mọi người đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương cấp cứu nhưng đã tử vong.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 295/GDPY ngày 28/4/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận nguyên nhân tử vong của Thạch Thị Trúc P như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định.

- Vùng lưng phải tại vị trí xương sườn số 10 có vết thủng da cơ nằm dọc theo thân người sâu thấu vào ổ bụng và khoang màng phổi.

- Đứt hoàn toàn xương sườn số 10 bên phải.

- Thủng thùy dưới mặt trong phổi phải.

- Thủng cơ hoành phải.

- Thủng xuyên thấu gan phải từ dưới lên trên, thủng gây đứt các động mạch, tĩnh mạch trong gan.

2. Cơ chế hình thành vết thương và đặc điểm vật gây thương tích:

- Cơ chế hình thành thương tích: nạn nhân bị một vết thương vùng lưng phải tại vị trí xương sườn số 10 thấu vào trong ổ bụng và khoang màng phổi phải gây thủng xuyên thấu gan, thủng cơ hoành, thủng phổi phải làm mất nhiều máu dẫn đến chết. Vết thương có chiều hướng từ ngoài vào trong, từ sau ra trước, chệch từ dưới lên trên. Được hình thành theo cơ chế đâm.

- Đặc điểm vật gây thương tích: vết thương vùng lưng phải được tạo ra do vật sắc nhọn có bản mỏng như: dao....

3. Nguyên nhân chết của nạn nhân Thạch Thị Trúc P: choáng mất máu cấp do vết thương vùng lưng phải gây thủng gan, thủng phổi.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 442/2021/GDPY ngày 06/10/2021 của Trung Tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận thương tích đối với Lê Hoàng T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: vết thương vùng hông lưng trái 7,5 x 0,5cm, vết thương vùng hạ sườn phải 5,7 x 0,4cm, sẹo lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 04% (*bốn phần trăm*) theo bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 28/8/2019.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 441/2021/GĐPY ngày 06/10/2021 của Trung Tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận thương tích đối với Lê Thị Đoàn T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: vết thương vùng lưng 11 x 0,6cm, sọc lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03% (*ba phần trăm*) theo bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 28/8/2019.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 263/TgT-PY ngày 22/9/2021 của Trung Tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận thương tích đối với Lê Thị Đoàn P như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: sọc ngang dưới hõm nách khoảng liên sườn 1-2 bên trái, kích thước 05cm x 0,6cm.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế hiện tại là 03% (*ba phần trăm*).

Đối với hành vi của đối tượng tên H (*mặc áo thun màu xanh đen*) do đối tượng chỉ lao vào ngăn cản hai bên không cho đánh nhau, không tham gia đánh ai. Hiện không rõ nhân thân lai lịch nên không làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với hành vi của Lê Văn L dùng cây gỗ để đuổi Trần Văn M ra khỏi Công ty với mục đích ngăn chặn M tiếp tục gây thương tích cho người khác. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không đề nghị xử lý là phù hợp.

Đối với Lê Thị Phương D khi bị M dùng tay đẩy mạnh vào ngực nên Dung có hành vi phản ứng lại rồi dùng tay, chân và nón bảo hiểm đánh lại nhóm của Trần Văn M gây mất an ninh trật tự. Hành vi của Lê Thị Phương D chưa đến mức xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định là phù hợp.

Đối với Lê Thị Vy, Lê Thị Đoàn Trang, Lê Thị Đoàn Phương, Lê Hoàn Tín, và Lê Thị Huệ có hành vi ngăn cản hai nhóm đánh nhau và không thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không xử lý.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- Đối với 02 (hai) chiếc dép màu xanh dương (dạng quai kẹp); 01 (một) chiếc giày vải màu đen và nhiều mảnh mút xốp của mũ bảo hiểm là vật chứng thu giữ trong quá trình khám nghiệm, không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) dao, loại dao thái lan dài khoảng 30cm, cán bằng gỗ dài khoảng 10cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài khoảng 20cm, mũi nhọn, bản rộng 03cm mà Trần Văn M dùng để đâm Thạch Thị Trúc P và các bị

hại khác. Trên đường bỏ trốn, Trần Văn M đã vứt bỏ con dao này tại khu vực đoạn Cầu Khánh Vê. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 67L1 - 574.13 của Phan Thị Trúc Mai, không phải phương tiện dùng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, do có liên quan đến việc bồi thường trách nhiệm dân sự nên đề nghị tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án.

Cáo trạng số: 36/CT-VKS.P2 ngày 09/3/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Phan Thị Trúc M và bị cáo Phan Thị H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà đại diện Viện Kiểm sát đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung: giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo nên đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề xuất mức hình phạt bị cáo Trần Văn M từ 18 năm đến 20 năm tù về tội “Giết người” và từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Phan Thị Trúc M và Phan Thị H, mỗi bị cáo mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: cha, mẹ của bị hại Thạch Thị Trúc P đã chết; chồng (*không đăng ký kết hôn*) và con của bị hại hiện nay không biết ở đâu nên không làm việc được. Anh của bị hại tên Thạch D yêu cầu bồi thường chi phí mai táng 30.004.900 đồng (*ba mươi triệu không trăm lẻ bốn ngàn chín trăm đồng*). Đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần, cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Người bào chữa Nguyễn Văn T trình bày nội dung bào chữa cho bị cáo Trần Văn M: thống nhất quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Bị cáo Trần Văn M tranh luận: thống nhất quan điểm của người bào chữa.

Bị cáo Phan Thị Trúc M và Phan Thị H không có ý kiến tranh luận.

Ông Thạch Dương, đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Thị Trúc P trình bày ý kiến tranh luận: thống nhất quan điểm truy tố theo cáo trạng. Trong quá trình điều tra, tôi yêu cầu bị cáo M bồi thường chi phí mai táng 30.004.900 đồng, bị cáo M (là vợ bị cáo M) đã bồi thường 10.000.000 đồng, tôi yêu cầu bị cáo M tiếp tục bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, tôi đề nghị xét xử bị cáo M theo quy định.

Bị hại Lê Hoàn T trình bày ý kiến tranh luận: yêu cầu bị cáo M bồi thường 6.000.000 đồng chi phí viện phí.

Bị hại Lê Thị Đoan T và Lê Thị Đoàn P trình bày ý kiến tranh luận: không yêu cầu bị cáo M bồi thường và đề nghị xử nghiêm đối với bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: trong thời gian tạm giam các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn M, Phan Thị Trúc M và Phan Thị H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với các bị cáo. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác tại hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: khoảng 20 giờ 00 phút ngày 06/4/2021, do mâu thuẫn trong lúc làm việc tại Công ty TNHH Hiệp Dịch giữa Thạch Thị Trúc P và Phan Thị Trúc M dẫn đến việc Trần Văn M là chồng của M vì bênh vực vợ mình đã dùng dao đâm Thạch Thị Trúc P 01 nhát vào vùng lưng phải tại vị trí xương sườn số 10 gây nên vết thủng da cơ nằm dọc theo thân người sâu thấu vào ổ bụng và khoang màng phổi gây tử vong; đâm Lê Thị Đoàn T 01 nhát gây thương tích 04%, Lê Thị Đoàn P 01 nhát gây thương tích 03%, Lê Hoàn Tín 02 nhát gây thương tích 03%. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với tình tiết định khung “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Phan Thị Trúc

M và Phan Thị H tuy không đồng phạm cùng Trần Văn M về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” do bị cáo Mỹ sử dụng dao đâm các bị hại thì Mai và H không biết. Tuy nhiên, trước khi Mỹ sử dụng dao đâm các bị hại thì Phan Thị Trúc M và Phan Thị H đã có hành vi dùng tay chân vật nhau với Thạch Thị Trúc P, Lê Thị Phương D và Lê Thị H gây náo loạn, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của Phan Thị Trúc M và Phan Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Trần Văn M là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào lưng phải tại vị trí xương sườn số 10 của bị hại Thạch Thị Trúc Phương là hành vi trái pháp luật và có khả năng tước đoạt mạng sống của bị hại nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm, bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện bản tính côn đồ, ý thức xem thường pháp luật. Ngoài ra, bị cáo còn dùng dao gây thương tích cho các bị hại Lê Thị Đoàn T 04%, Lê Thị Đoàn P 03% và Lê Hoàn T 03%. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của bị hại Thạch Thị Trúc P; xâm phạm đến sức khỏe của các bị hại Lê Thị Đoàn T, Lê Thị Đoàn P và Lê Hoàn T được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân sinh sống tại khu vực. Hành vi của các bị cáo Phan Thị Trúc M và Phan Thị H dùng tay chân vật nhau với Thạch Thị Trúc P, Lê Thị Phương D và Lê Thị H gây náo loạn, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: trong quá trình điều tra bị cáo Trần Văn M có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo M (vợ bị cáo M) đã bồi thường một phần yêu cầu về chi phí mai táng cho gia đình bị hại. Do đó cần áp dụng cho bị cáo Mỹ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo M và H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh, Điều luật và mức hình phạt như đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên đối với bị cáo M và bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội

một thời gian, tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú là đủ.

[7] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo M đối với tội danh, khung hình phạt và Điều luật là phù hợp, có căn cứ chấp nhận một phần.

[8] Về trách nhiệm dân sự: cha, mẹ của bị hại Thạch Thị Trúc P đã chết; chồng (*không đăng ký kết hôn*) và con của bị hại hiện không xác định được ở đâu nên không làm việc được. Anh của bị hại tên Thạch D yêu cầu bị cáo M bồi thường chi phí mai táng tổng cộng là 30.004.900 đồng (*ba mươi triệu không trăm linh bốn nghìn chín trăm đồng*), bị cáo M (vợ bị cáo M) đã bồi thường 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Thạch D yêu cầu bị cáo M tiếp tục bồi thường 20.000.000 đồng (làm tròn) còn lại và bị hại T yêu cầu bị cáo M bồi thường 6.000.000 đồng chi phí viện phí, bị cáo M đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần, cấp dưỡng nuôi con của bị hại, tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Đối với bị hại Lê Thị Đoan T và Lê Thị Đoàn P không yêu cầu bị cáo M bồi thường nên không đặt ra việc xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Đối với 02 (hai) chiếc dép màu xanh dương (dạng quai kẹp); 01 (một) chiếc giày vải màu đen và nhiều mảnh nút xóp của mũ bảo hiểm là vật chứng thu giữ trong quá trình khám nghiệm, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 67L1 - 574.13 của Phan Thị Trúc M, không phải phương tiện dùng vào việc phạm tội nhưng là tài sản chung của vợ chồng bị cáo M và bị cáo M. Tại phiên tòa hai bị cáo đồng ý dùng xe này để bồi thường cho đại diện bị hại và bị hại T nên cần tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án.

[11] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”. Tuyên bố các bị cáo Phan Thị Trúc M và Phan Thị H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người”.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

2.3. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự:

Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp chung là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2021.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Phan Thị Trúc M 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 09/9/2022).

Giao bị cáo Phan Thị Trúc M về cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt: Bị cáo Phan Thị H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 09/9/2022).

Giao bị cáo Phan Thị H về cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 591 và 593 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Văn M có trách nhiệm bồi thường 6.000.000 đồng cho Lê Hoàn T và bồi thường 20.000.000 đồng cho ông Thạch D.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Phan Thị Trúc M và Trần Văn M về việc đồng ý dùng xe mô tô biển số 67L1 - 574.13 là tài sản chung vợ chồng của bị cáo Phan Thị Trúc M và bị cáo Trần Văn M để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 47 và 48 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) chiếc dép màu xanh dương (dạng quai kẹp); 01 (một) chiếc giày vải màu đen và một bọc chứa mảnh măt xốp của mũ bảo hiểm.

Tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô hai bánh màu đỏ, nhãn hiệu: HONDA, số loại: JF58 VISION, dung tích xi lanh: 109 cm³, mang biển kiểm soát: 67L1 - 574.13, có số khung nguyên thủy: RLHJF5803EY201663, số máy nguyên thủy: JF58E-0201749, xe không có chìa khóa, tình trạng xe đã cũ, kèm theo Kết luận giám định số: 185A-05/SKSM-PC09 ngày 01/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương (không kiểm tra được tất cả tình trạng bên trong của xe), là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Phan Thị Trúc Mai và bị cáo Trần Văn Mỹ để đảm bảo việc thi hành án.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 3 năm 2022).

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Trần Văn M, Phan Thị Trúc M và Phan Thị H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Trần Văn M phải nộp 1.300.000 đồng.

Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (12);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (10);
- Lưu: Văn phòng (2), hồ sơ vụ án, LTH, 35.

Lê Quân Vương